

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 649/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Tấn P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P sống chung năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc vào năm 2009. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/2/2014 và cháu Trịnh Thị Y, sinh ngày 05/7/2005, cháu T hiện đang sống với chị, cháu Y hiện đang sống cùng với anh P. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh P có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trịnh Tấn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H sống chung năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc vào năm 2009. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng tuy có bất hòa nhưng không đến mức nghiêm trọng, anh còn yêu thương vợ con nên yêu cầu được hàn gắn quan hệ với chồng, cùng nhau chăm lo cho các con.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/2/2014 và cháu Trịnh Thị Y, sinh ngày 05/7/2005, cháu T hiện đang sống với chị H, cháu Y hiện đang sống cùng với anh. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trịnh Tấn P có nơi trú tại khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh P, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H là người khởi kiện, anh P là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị H là nguyên đơn, anh P là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/5/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Anh P không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn quan hệ gia đình, tuy nhiên anh không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, cũng như không tác động được chị H chấp nhận tiếp tục di trì hôn nhân với anh. Tại phiên tòa, chị H

xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung là cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/2/2014 và cháu Trịnh Thị Y, sinh ngày 05/7/2005, cháu T hiện đang sống với chị H, cháu Y hiện đang sống cùng với anh P. Anh chị thống nhất cháu Y sẽ do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do cháu T còn nhỏ chưa đủ tuổi để ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định pháp luật, cháu Y hiện đang sống ở xa, đang đi học nên không thể lấy lấy ý kiến của cháu, tuy nhiên do các cháu hiện đã sống cùng với các bên đương sự và cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Y cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện tại của các bên, giữ sự ổn định vốn có trong cuộc sống của các cháu lâu nay và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cả hai bên không yêu cầu bên còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, đây là ý chí tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh chị xác định tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn với anh Trịnh Tấn P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Tấn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/2/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Thị Y, sinh ngày 05/7/2005 cho anh Trịnh Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Tấn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con

chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Tấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002736 ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Thị H không phải nộp tiếp.

Chị Nguyễn Thị H, anh Trịnh Tấn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp